

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 269/STTr-SKHĐT ngày 30/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể thuộc tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- CPVP, các phòng, Ban, Trung tâm;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, định hướng, giải pháp thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Quảng Nam trên cơ sở khai thác, phát huy lợi thế tiềm năng của tỉnh, nhằm phát triển khu vực dịch vụ trở thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

- Xác định các định hướng, nhiệm vụ và xây dựng các giải pháp trọng tâm, phân công trách nhiệm cụ thể để các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan làm cơ sở triển khai, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu Chương trình đề ra.

2. Yêu cầu

- Bám sát các văn bản chỉ đạo, định hướng của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh có liên quan đến việc phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh, đảm bảo Chương trình hành động thiết thực, có tính khả thi cao gắn với thực trạng phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển các ngành dịch vụ thế mạnh, tiềm năng theo hướng bền vững.

- Các Sở, Ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tăng cường phối hợp chặt chẽ; chủ động tham mưu, đề xuất, tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Chương trình.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, kinh phí phù hợp theo quy định; tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia thực hiện để Chương trình hành động đạt hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ, đánh giá Chương trình hành động và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo đúng định kỳ.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển khu vực dịch vụ trở thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của tỉnh với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao,

phù hợp với định hướng phát triển của cả nước; trong đó: du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn; công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá; khoa học công nghệ là nền tảng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu đến năm 2030, tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GRDP chiếm từ 40% trở lên.

- Trong thời kỳ 2030-2050, phân đầu tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP và chiếm tỷ trọng từ 50% GRDP trở lên.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Đối với các ngành dịch vụ ưu tiên

1.1. Dịch vụ du lịch

a) Định hướng phát triển

- Định hướng phát triển du lịch xanh. Xây dựng Quảng Nam trở thành trung tâm dịch vụ du lịch của miền Trung và cả nước. Xây dựng thương hiệu, sản phẩm dịch vụ du lịch tầm quốc gia và quốc tế. Bảo tồn và phát huy hiệu quả tài nguyên, lợi thế phát triển dịch vụ du lịch; chú trọng phát triển du lịch về phía Nam và phía Tây của tỉnh.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển du lịch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch.

- Từng bước phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, phục vụ phát triển du lịch bao gồm hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin tại các khu vực động lực phát triển du lịch và khu vực có tiềm năng du lịch.

- Phát triển đa dạng hóa thị trường khách du lịch trên cơ sở điều tra, nghiên cứu thị trường, nhu cầu và thị hiếu của khách du lịch. Đồng thời, chú trọng phát triển mạnh thị trường khách du lịch nội địa, hợp tác liên kết vùng, đảm bảo thích ứng với những tiêu cực từ các cuộc khủng hoảng kinh tế hoặc dịch bệnh toàn cầu.

- Phát triển loại hình và sản phẩm du lịch chất lượng, đa dạng, khác biệt, tăng tính trải nghiệm cho khách du lịch dựa trên lợi thế và đặc trưng về tài nguyên của tỉnh.

- Thúc đẩy xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu; quản lý khách du lịch và hoạt động du lịch, tài nguyên du lịch; kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường, quản lý và giảm thiểu rủi ro, sự cố môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số.

- Từng bước chuyển đổi số trong ngành du lịch, phát triển du lịch thông minh, du lịch xanh bền vững.

- Phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch với cơ cấu ngành nghề hợp lý, đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tập trung xây dựng và triển khai các Nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách, kế hoạch và quản lý nhà nước về phát triển du lịch, trong đó chú trọng:

+ Triển khai tốt Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển thương mại, du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 04/5/2021 của Tỉnh ủy về định hướng phát triển vùng Đông Nam của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Xây dựng và hoàn thiện phương án phát triển du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phương án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phương án bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm gắn với phát triển kinh tế biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào quy hoạch tỉnh.

+ Nghiên cứu cơ chế chính sách đặc thù bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới phố cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư có thương hiệu, tiềm lực đầu tư vào lĩnh vực du lịch; thúc đẩy các dự án đang triển khai thực hiện và tiếp tục thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín.

+ Có cơ chế, chính sách ưu tiên bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn phát triển du lịch miền núi tỉnh Quảng Nam.

+ Nghiên cứu đề xuất các Đề án, chính sách, cơ chế phát triển du lịch trong tình hình mới, trong đó tập trung xây dựng và triển khai thực hiện tốt mô hình phát triển sản phẩm đêm, đặc biệt phát triển thành phố Hội An trở thành mô hình tiêu biểu phát triển du lịch đêm của cả nước.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng du lịch tương xứng với tiềm năng và định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đặc biệt là hạ tầng tại các khu, điểm du lịch, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch và phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước:

+ Ưu tiên hoàn thiện hạ tầng du lịch, bảo tồn, phát huy giá trị của 02 di sản thế giới đô thị cổ Hội An, khu đền tháp Mỹ Sơn và các tài nguyên du lịch nổi bật của tỉnh.

+ Nâng cao đẳng cấp các khu du lịch đã có, nhất là ở khu vực Hội An, ven biển.

+ Mở rộng không gian du lịch, trong đó khuyến khích mở rộng không gian du lịch miền núi liên kết các điểm du lịch tiềm năng và tạo lập các trung tâm du lịch phía Tây và phía Nam của tỉnh.

+ Phát triển các Trung tâm thương mại - dịch vụ gắn với đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, các khu du lịch - dịch vụ sinh thái, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp ven biển quy mô lớn với các sản phẩm đặc thù.

+ Mạng lưới hạ tầng giao thông: (1) Hình thành cảng thủy nội địa du lịch

tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch đường biển và đường sông, trước hết là trên các tuyến sông Vĩnh Điện, Cổ Cò, Thu Bồn và Trường Giang; (2) Hoàn thiện, mở rộng hệ thống cảng biển; (3) Xây dựng sân bay Chu Lai thành Trung tâm dịch vụ hàng không quốc tế đa chức năng; (4) Hệ thống giao thông kết nối phía Tây với phía Đông của tỉnh; (5) Hoàn thiện đường ven biển Võ Chí Công, các tuyến đường ngang kết nối đường cao tốc, Quốc lộ 1A với đường ven biển Võ Chí Công và hệ thống giao thông kết nối các khu chức năng, các nhóm dự án trọng điểm và giao thông liên vùng.

+ Đẩy mạnh phát triển du lịch thông minh dựa trên nền tảng số, hướng tới thời kỳ số trong quản lý và phục vụ phát triển du lịch với kết cấu hạ tầng, cơ sở dữ liệu vững chắc và các ứng dụng hoạt động xuyên suốt và chuyên nghiệp. Ưu tiên phát triển hạ tầng phục vụ du lịch thông minh, đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành du lịch. Áp dụng các tiện ích công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, quảng bá xúc tiến đầu tư và các hoạt động du lịch khác như: thực hiện vé điện tử, bản đồ du lịch, dịch vụ đặt tour, đặt phòng và giao dịch thanh toán qua các ứng dụng, ví điện tử...

- Đa dạng hóa loại hình du lịch và tạo ra các sản phẩm du lịch mới; xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng phù hợp với lợi thế của tỉnh Quảng Nam như: Văn hóa, nghỉ dưỡng biển, sinh thái, làng quê, thiên nhiên, cộng đồng. Trong đó, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và bền vững, gắn với tạo thương hiệu cạnh tranh lâu dài. Tạo môi trường du lịch tốt, đẩy mạnh hình thành chuỗi các trung tâm hàng lưu niệm và đặc sản của địa phương. Thực hiện kết nối một số điểm tham quan du lịch mới được hình thành và những điểm du lịch tiềm năng chưa được khai thác, liên kết thành chuỗi du lịch liên vùng nội tỉnh, liên tỉnh và khu vực; nhất là chuỗi liên kết du lịch đáp ứng bộ tiêu chuẩn du lịch quốc tế, đi đôi với bảo tồn, phát triển di tích, di sản, nhất là di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn, khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh, văn hóa con người Quảng Nam.

- Tổ chức các chương trình kích cầu du lịch, sự kiện thu hút khách du lịch. Tăng cường nguồn lực xúc tiến, quảng bá du lịch Quảng Nam ở nước ngoài; trong đó tập trung thị trường khách truyền thống như: Châu Âu, Châu Úc, Bắc Mỹ, Đông Bắc Á, Đông Nam Á...

- Tăng cường liên kết hợp tác trong công tác xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch trong chuỗi Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; chuỗi liên kết Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam.

- Đào tạo nguồn nhân lực du lịch đảm bảo chất lượng, số lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch; tập trung đào tạo kiến thức về du lịch cộng đồng cho người dân, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động tại các đơn vị kinh doanh du lịch, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch.

- Thực hiện tuyên truyền thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức, kết

hợp phương pháp truyền thống với phương pháp hiện đại, nâng cao nhận thức của những người tham gia hoạt động du lịch, cán bộ quản lý và cộng đồng dân cư về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động phát triển du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Dịch vụ logistics và vận tải

a) Định hướng phát triển

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước theo hướng tích cực nhằm tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh làm động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường vận tải, thị trường dịch vụ logistics, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và kinh doanh thương mại.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 và Thông tư số 02/2021 ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Phát triển thị trường vận tải, xây dựng hình thành thị trường dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, gắn liền với nâng cao năng lực hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp theo cơ chế thị trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, tăng cường khả năng cạnh tranh của tỉnh trên lĩnh vực này.

- Chủ động khai thác những cơ hội và hạn chế những tác động không mong muốn do cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại nhằm phát triển dịch vụ vận tải, vận tải đa phương thức đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế và nhu cầu của người dân, hợp lý hoá chi phí vận tải đường bộ.

- Sử dụng, đầu tư hiệu quả phát triển kết cấu hạ tầng giao thông. Thiết lập mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp (kho, bãi hàng hóa, bến xe hàng) và các tuyến vận tải thu, gom hàng hóa trong các trung tâm đô thị, thu gom nông sản tại các xã. Phát huy vai trò của cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt, các tuyến đường bộ kết nối với đường cao tốc theo quy hoạch, tiếp tục phát triển mạnh mẽ mạng lưới tuyến vận tải khách công cộng, tuyến du lịch, đường bộ, đường thủy nội địa và ven biển.

- Khuyến khích các doanh nghiệp vận tải nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ logistics, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, chú trọng mục tiêu an toàn và tiện lợi, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ dịch vụ vận tải, logistics đáp ứng được nhu cầu của tỉnh.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục triển khai các chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics và vận tải đã được cấp có thẩm quyền ban hành và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ của tỉnh; thực hiện rà soát và đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về dịch vụ logistics và vận tải tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho

hoạt động Logistics và vận tải (đặc biệt là các quy định pháp luật về đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải).

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành, trong đó xây dựng Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng logistics thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Tiếp tục xây dựng và tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), ưu tiên các tuyến giao thông, kết nối liên thông các vùng, miền, địa phương trong cả nước.

- Kêu gọi xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp dịch vụ logistics, gồm: Dịch vụ vận tải, kho bãi, cảng biển, dịch vụ cảng nội địa (ICD), trung tâm dịch vụ logistics, ga hàng hóa, bốc dỡ hàng hóa, giao nhận vận tải, đại lý vận tải, đại lý tàu biển, đại lý hải quan, đại lý phát chuyển nhanh và các dịch vụ logistics khác có liên quan. Hình thành các trung tâm buôn bán đầu mối gắn liền với từng khu vực đồng bằng, miền núi, kết hợp với phát triển đô thị phía Bắc, phía Nam và phía Tây của tỉnh.

- Huy động các nguồn lực để thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện và phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình, dự án quan trọng, có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển, như: Hệ thống cảng biển và sân bay quốc tế Chu Lai gắn với logistics; hạ tầng đáp ứng yêu cầu dự án khí - điện; hệ thống giao thông kết nối phía Tây với phía Đông của tỉnh, các tuyến đường có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh ở khu vực miền núi; hạ tầng cửa khẩu và giao thông cho thương mại qua biên giới, hành lang kinh tế Đông - Tây... Xem xét, lựa chọn đầu tư các điểm nghẽn giao thông; trong đó, chú trọng đầu tư một số cầu qua sông Trường Giang, sông Cồ Cò để kết nối vùng Đông; huy động các nguồn lực xây dựng các cầu thiết yếu qua các tuyến đường sắt, quốc lộ và qua các sông Thu Bồn, Vu Gia, Cồ Cò để liên kết phát triển.

- Nghiên cứu, đề xuất gắn kết công nghệ thông tin trong logistics và vận tải, cải cách các thủ tục hành chính liên quan và minh bạch các dịch vụ công trên các cổng điện tử công khai (áp dụng dịch vụ công mức độ 4).

- Triển khai biện pháp giảm chi phí vận tải thông qua việc xử lý các điểm hạn chế của chuỗi cung ứng như công suất, chi phí các kho bãi và điểm trung chuyển.

- Duy trì ổn định và tổ chức tốt công tác phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng, các tuyến du lịch trên toàn tỉnh. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực hoạt động giao thông vận tải... Đẩy mạnh tái cơ cấu vận tải, vận tải đa phương thức nhằm phát triển thị trường vận tải trong đó chủ yếu là hợp lý hoá chi phí vận tải đường bộ, tăng tỷ trọng vận chuyển hàng không. Nghiên cứu phát triển một số tuyến vận tải thủy nội địa, ven biển, hàng hải theo đề án đã được phê duyệt nhằm góp phần giảm áp lực vận chuyển bằng đường bộ, ưu tiên kêu gọi đầu tư mở các tuyến vận tải hành khách từ bờ ra đảo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng rộng rãi quản trị chuỗi cung ứng, quản trị logistics trong các doanh nghiệp vận tải (liên kết chặt chẽ từ khâu sản xuất, phân phối, tiêu thụ với các cơ sở sản xuất nông sản, vật liệu xây dựng, khoáng sản, nhôm boxit), khuyến khích thuê ngoài logistics. Từng bước nghiên cứu tích hợp sâu dịch vụ logistics với các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu, lưu thông hàng hóa trong nước và các ngành dịch vụ khác.

1.3. Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông

a) Định hướng phát triển

- Phần đầu hoàn thành tốt các mục tiêu và định hướng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền số tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh góp phần xây dựng hạ tầng thông tin đồng bộ, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động công tác đô thị, tạo lập nền tảng xây dựng và phát triển các chuỗi dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, có tính kết nối và mang lại những lợi ích về kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với các đô thị lớn, các trung tâm du lịch dịch vụ.

- Phát triển các dịch vụ thông tin và truyền thông trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

- Kết hợp giữa phát triển ngành dịch vụ thông tin và truyền thông lan tỏa tới các ngành dịch vụ khác để tạo ra nhiều không gian mới thúc đẩy sự phát triển chung của các dịch vụ khác như thương mại, du lịch, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng,...

- Phát triển dịch vụ internet di động 5G và các thế hệ tiếp theo. Đẩy mạnh cung cấp trực tuyến các dịch vụ công liên quan tới các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các thủ tục hành chính công.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng và hoàn thiện Phương án phát triển công nghệ thông tin, tài nguyên Internet, kho số viễn thông, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và mạng bưu chính công cộng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông đồng bộ, an toàn thông tin.

- Chuyển đổi số quốc gia toàn diện và sâu rộng, phát huy nội lực:

+ Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số từ việc chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo an toàn, an ninh mạng đến việc hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung phục vụ phát triển chính quyền điện tử, đồng bộ với hệ thống hạ tầng dữ liệu quốc gia.

+ Xây dựng ứng dụng dùng chung tích hợp các dịch vụ tiện ích cung cấp cho xã hội.

+ Phát triển kinh tế số, xã hội số.

+ Xây dựng và phát triển các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh; trước mắt ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư cho 4 đô thị Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Núi Thành.

+ Chú trọng thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

- Xây dựng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số

+ Hoàn thiện các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số, ban hành Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; hỗ trợ việc đăng ký và thành lập doanh nghiệp công nghệ số mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số về thủ tục gia nhập thị trường.

+ Xây dựng chính sách, giải pháp tạo lập thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ số, bao gồm các doanh nghiệp khởi nghiệp trong xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án về Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, đô thị thông minh.

+ Hỗ trợ việc tạo ra các môi trường thử nghiệm cho các mô hình kinh doanh mới, sản phẩm ứng dụng công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

+ Định hướng, hỗ trợ tối thiểu 1-2 doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh phát triển một số sản phẩm số trọng điểm tại địa phương

+ Đề xuất các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ nghiên cứu phát triển các ứng dụng công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ tăng cường sử dụng công nghệ, phần mềm, sản phẩm công nghệ.

1.4. Dịch vụ tài chính – ngân hàng

a) Định hướng phát triển

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với hội nhập thị trường tài chính.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển dần từ mô hình kinh doanh truyền thông sang mô hình kinh doanh số. Tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; khuyến khích mở rộng mạng lưới ngân hàng, phát triển mạnh các dịch vụ ngân hàng hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý và kinh doanh tiền tệ trong xu thế hội nhập.

- Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp, gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, trong đó tập trung đầu tư tín dụng đối với những lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các công trình, dự án trọng tâm của tỉnh, các chương trình tín dụng chính sách, tín dụng đầu tư.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Điều hành chính sách tiền tệ, ngân hàng

+ Triển khai thực hiện các giải pháp của về điều hành chính sách tiền tệ hướng đến mục tiêu cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ. Kiểm soát chặt tín dụng trong lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

+ Trước khó khăn của nền kinh tế và đặc biệt là đối với khu vực dịch vụ, ngành ngân hàng tiếp tục tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh; trước mắt triển khai các giải pháp hỗ trợ khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT- NHNN ngày 13/3/2020 và các Thông tư sửa đổi Thông tư số 01/2020/TT- NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

+ Quản lý hoạt động kinh doanh vàng, ngoại hối nhằm thực hiện mục tiêu điều hành tỷ giá, phát triển bền vững thị trường vàng, hạn chế tình trạng đô la hóa, vàng hóa hỗ trợ điều hành chính sách tiền tệ và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Đa dạng hóa sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

+ Đa dạng hóa các kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng: Đẩy mạnh phát triển các kênh giao dịch ngân hàng hiện đại và các hình thức thanh toán mới, hiện đại. Tiếp tục phát triển, sắp xếp hợp lý mạng lưới ATM và POS trên toàn quốc đảm bảo hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ theo hướng: cải thiện thái độ phục vụ, đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm thời gian, chi phí, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế.

+ Phát triển nhiều dịch vụ gia tăng trên kênh cung ứng dịch vụ ngân hàng từ thẻ ngân hàng.

- Đẩy mạnh công tác thanh toán không dùng tiền mặt

+ Triển khai các nhiệm vụ về thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn, triển khai các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các mô hình thanh

toán tại nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, phát triển thanh toán điện tử phục vụ thương mại điện tử theo hướng hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị khác.

+ Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó nhấn mạnh năng lực tiếp cận ứng dụng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong định hướng đổi mới hoạt động của ngành ngân hàng. Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ mô hình kinh doanh của các ngân hàng thương mại theo hướng từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình kinh doanh số, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

2. Đối với các ngành dịch vụ khác

2.1. Dịch vụ khoa học và công nghệ

a) Định hướng phát triển

- Đối với lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng:

+ Áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trở thành một yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh; là công cụ và phương tiện quan trọng để duy trì các chuẩn mực trong các quan hệ kinh tế, thương mại.

+ Phát triển hoạt động dịch vụ đánh giá sự phù hợp, dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường để tạo sự chuyển biến về số lượng và chất lượng của các dịch vụ này.

- Đối với lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học và công nghệ: Phát triển mạnh mẽ dịch vụ cung cấp, tổng hợp - phân tích thông tin, số liệu thống kê khoa học và công nghệ bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, quản lý, dự báo, hoạch định chính sách phát triển, sản xuất kinh doanh.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ liên quan đến sở hữu trí tuệ, bảo hộ tài sản sở hữu trí tuệ, ...

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung đầu tư các trung tâm nghiên cứu và phát triển phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Đẩy mạnh thu hút nhà đầu tư có quy mô lớn, thương hiệu để đầu tư dự án then chốt trên các lĩnh vực với công nghệ hiện đại, hàm lượng trí tuệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, sản phẩm mang lợi thế cạnh tranh cao, có thể tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Ưu tiên khuyến khích các dự án phát triển năng lượng tái tạo.

- Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

+ Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chứng nhận sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng

hoặc chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc.

+ Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở hoặc chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phân tích và kiểm nghiệm một số hàng hóa từ khâu làm giống, phân tích thổ nhưỡng và sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kết nối công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia.

- Xây dựng Đề án Phòng thí nghiệm, kiểm định chất lượng cao phục vụ chung cho các ngành: Khoa học và công nghệ, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế... Xây dựng thương hiệu gắn với truy xuất nguồn gốc xuất xứ các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh.

- Lĩnh vực Thông tin, Thông kê khoa học và công nghệ

+ Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; xây dựng đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đề án xây dựng cơ sở dữ liệu và thông tin khoa học và công nghệ.

+ Xây dựng các đề tài dự án hỗ trợ thông tin của các sản phẩm chủ lực của tỉnh, phục vụ nội dung truy xuất nguồn gốc hàng hóa, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ.

+ Khuyến khích khu vực tư nhân xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ, các trung tâm đổi mới sáng tạo và cung ứng dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo mọi điều kiện để khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển hệ tri thức Việt số hóa để thiết lập hạ tầng nền tảng, dữ liệu lớn, chia sẻ dữ liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia, tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Phát triển dịch vụ tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); kết nối cung – cầu công nghệ (Techdemo), ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest), triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ trong và ngoài nước.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ: chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; tư vấn bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng...

- Kết hợp khai thác giá trị văn hóa làng nghề truyền thống đối với các làng nghề có các sản phẩm đặc sản được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trong việc phát triển dịch vụ cộng đồng.

2.2. Dịch vụ phân phối

a) Định hướng phát triển

- Phát triển dịch vụ phân phối truyền thống:

+ Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ cùng với việc hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới nội dung phương thức quản lý kinh doanh cho từng loại hình thương mại truyền thống trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu lưu chuyển hàng hóa từ các cơ sở sản xuất đến người tiêu dùng, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

+ Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động phân phối bán lẻ nhằm đảm bảo sự phát triển cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế tham gia thị trường phân phối.

- Phát triển dịch vụ thương mại điện tử: Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng các giải pháp công nghệ số và các dịch vụ tích hợp dựa trên công nghệ tiên tiến như: công nghệ thẻ thông minh, công nghệ Blockchain, công nghệ nhận dạng đối tượng, mã vạch, ... vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, xúc tiến thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận các thị trường trong và ngoài nước.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Rà soát, tích hợp quy hoạch hạ tầng thương mại vào quy hoạch tỉnh, tạo cơ sở pháp lý thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, mở rộng mạng lưới phân phối hàng hóa.

- Tiếp tục rà soát các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh, kịp thời sửa đổi, bổ sung nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn tỉnh để tăng hiệu quả hoạt động của chợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi, mua bán của các thương nhân tại chợ.

- Triển khai Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm hoàn thiện hạ tầng thương mại biên giới, góp phần đẩy mạnh các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân khu vực biên giới.

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại, hội nghị kết nối cung cầu để hỗ trợ kết nối giữa các đơn vị sản xuất, phân phối hàng hóa và người tiêu dùng. Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, diễn đàn cho các doanh nghiệp sản xuất và các thương nhân nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, hiệu quả quản lý, kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định. Qua đó, tạo môi trường

kinh doanh lành mạnh, đảm bảo các điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa có chất lượng, uy tín phát triển.

2.3. Dịch vụ y tế

a) Định hướng phát triển

- Nâng cấp hạ tầng, mở rộng quy mô giường bệnh, phát triển một số kỹ thuật mũi nhọn y tế chuyên sâu ngang tầm khu vực miền Trung.

- Chú trọng y tế cơ sở, y tế dự phòng, công tác phòng, chống dịch. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; vấn đề bình đẳng giới...

- Phát triển hệ thống y tế chất lượng, công bằng, hiệu quả; thực hiện đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh; tập trung phát triển tuyến y tế cơ sở của tỉnh, nhất là tuyến huyện để phát huy vai trò chủ đạo trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, giảm tải cho y tế tuyến trên. Đồng thời nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Khuyến khích phát triển y tế tư nhân, không phân biệt y tế công lập và y tế tư nhân; tăng tỷ trọng giường bệnh khu vực tư nhân; các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định đạt chuẩn do khu vực tư nhân cung cấp.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ y tế:

- + Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đặc biệt là tại tuyến y tế cơ sở; kiện toàn và phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện. Tăng cường quản lý, theo dõi, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người dân. Triển khai và mở rộng mô hình quản lý sức khỏe người dân bằng số điện tử; quản lý các bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã.

- + Nâng cao năng lực phòng chống dịch bệnh và hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở, ứng phó kịp thời với các vấn đề khẩn cấp, sự cố môi trường, đảm bảo an ninh y tế. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh. Phát triển mạnh y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại. Đảm bảo nguồn lực cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh Lao. Củng cố hệ thống tiêm chủng, tăng số vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng theo lộ trình của Bộ Y tế.

- Phát triển mạng lưới y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực y tế.

- Tập trung đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế luôn tâm huyết, trách nhiệm, có trình độ, năng lực chuyên môn, tay nghề cao, có khả năng ứng dụng công nghệ tiến tiến, hiện đại. Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, sắp xếp, bố trí nhân lực y tế phù hợp về số lượng, chất lượng, cơ cấu theo quy định. Phát triển đội ngũ nhân viên y tế thôn bản vùng sâu, vùng xa.

- Ứng dụng và phát triển công nghệ số, công nghệ thông minh trong y tế, hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao, triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế. Hoàn thiện các phần mềm quản lý và số hóa bệnh viện; xây dựng “bệnh viện thông minh” và triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử, từng bước tiến tới từng bước áp dụng chẩn đoán, xét nghiệm, khám bệnh, chữa bệnh từ xa.

- Xây dựng chính sách đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, nâng cao hiệu quả đầu tư. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ các hoạt động y tế.

2.4. Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

a) Định hướng phát triển

- Khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp trong việc cung ứng và sử dụng các loại dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, đặc biệt là các dịch vụ về tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, tư vấn thành lập doanh nghiệp, đào tạo quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán – kiểm toán, dịch vụ công nghệ, tư vấn quản lý.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý để phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

- Phát triển hệ thống các doanh nghiệp hỗ trợ kinh doanh theo hướng xã hội hóa, thị trường hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

- Đẩy mạnh cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy định, chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát các quy định về cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện; ưu tiên các thủ tục phục vụ khởi nghiệp, các lĩnh vực về kế toán, kiểm toán, nghiên cứu thị trường, dịch vụ khoa học công nghệ. Bảo đảm đồng bộ, kết nối thông tin thông suốt từ Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh đến Trung tâm hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

- Thực hiện chính sách ưu đãi và kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu tổ chức một số dịch vụ công hỗ trợ doanh nghiệp dưới hình thức miễn phí hoặc có thu phí nhưng thấp như: hỗ trợ pháp lý; tư vấn đầu thầu; xúc tiến thương mại, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ khoa học và công nghệ...

- Hoàn thiện Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để tạo lập môi trường thuận lợi và cơ chế hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành và phát triển doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng văn hóa khởi nghiệp và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội. Phát triển các quỹ đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp; phát triển mạng lưới tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp. Thường xuyên tổ chức các hoạt động kết nối, hợp tác giữa các doanh nghiệp/dự án khởi nghiệp, giữa các doanh nghiệp/dự án khởi nghiệp với chính quyền, giữa các doanh nghiệp/dự án khởi nghiệp với các quỹ đầu tư và tham gia Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước.

2.5. Dịch vụ giáo dục và đào tạo

a) Định hướng phát triển

- Nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo để từng bước nâng cao tổng thể chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với điều kiện đảm bảo chất lượng; đồng thời tăng cường chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới và Cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, từng bước hiện đại, xây dựng nền giáo dục mở theo hướng xã hội học tập.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng đề án phát triển giáo dục toàn diện từ ngành học mầm non đến đại học nhằm mục tiêu xây dựng, phát huy các giá trị chuẩn mực con người Việt Nam gắn với bản sắc văn hóa con người Quảng Nam, phát triển toàn diện nhân cách, thể lực, trí lực, tinh thần cho học sinh... góp phần hình thành một thế hệ công dân mới đáp ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thời kỳ phát triển mới của đất nước.

- Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong nhà giáo. Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với vị trí việc làm, đảm bảo sự cân đối, hợp lý về số lượng, chất lượng giữa các cấp học, giữa các vùng, miền trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển đội ngũ nhà giáo ở các huyện miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để đảm bảo việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Rà soát quy hoạch, triển khai Đề án sắp xếp, phát triển hệ thống trường học và cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, khu vực, phấn đấu đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất trường lớp tốt nhất cho dạy và học; trong đó trước mắt tập trung thực hiện tốt Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt đề án sắp xếp lại trường, điểm

trường, lớp học gắn với việc rà soát, sắp xếp lại các trường, điểm trường, lớp học gắn với việc bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục tỉnh Quảng Nam đến năm học 2024-2025. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các bậc học.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đào tạo và ứng dụng các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, thiết bị di động, khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, nhất là trong các ngành có nhu cầu cao.

- Xúc tiến đưa Trường Đại học Quảng Nam trở thành thành viên của Đại học Đà Nẵng (hoặc Đại học Huế), xây dựng các trường cao đẳng công lập theo hướng tự chủ, hiệu quả.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật; phát triển mạnh đào tạo nghề và hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho chuyển đổi công việc.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đảm bảo đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; xây dựng Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2021 – 2025; đẩy mạnh và phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin về thị trường lao động.

- Xây dựng chính sách đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục. Huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ các hoạt động của cơ sở giáo dục, đào tạo.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Lồng ghép vốn ngân sách nhà nước và huy động nguồn xã hội hóa, nguồn vốn tài trợ trong và ngoài nước, nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Chương trình.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, điều phối chung về phát triển khu vực dịch vụ trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt cơ chế, chính sách chung theo quy định của Trung ương về phát triển khu vực dịch vụ; chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã thành phố:

- Thực hiện lồng ghép các mục tiêu của Chương trình hành động này với các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh.

- Thu hút nguồn lực đầu tư vào các ngành dịch vụ; thực hiện các lĩnh vực liên quan đến dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

- Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Chương trình hành động này **trước ngày 15/11 hằng năm**, báo cáo sơ

kết vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030 theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã thành phố theo chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động và chủ động triển khai thực hiện, lồng ghép nội dung Chương trình hành động vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và nhiệm vụ chuyên môn được giao:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện lĩnh vực dịch vụ du lịch.

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các lĩnh vực liên quan đến dịch vụ logistics và vận tải.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện lĩnh vực dịch vụ công nghệ thông tin - truyền thông và nền tảng công nghệ số cho phát triển các ngành dịch vụ khác.

- Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Nam chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các nội dung phát triển trong các lĩnh vực chuyên ngành dịch vụ tài chính và ngân hàng.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các lĩnh vực liên quan đến dịch vụ phân phối.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan thực hiện lĩnh vực dịch vụ khoa học - công nghệ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện lĩnh vực dịch vụ giáo dục đào tạo, đào tạo nghề, cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực dịch vụ khác.

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã thành phố thực hiện lĩnh vực dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe.

- Các Sở, ngành, đơn vị khác phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia và hội nhập hiệu quả trong lĩnh vực dịch vụ.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình

hành động này với các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

3. Giám đốc các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động trong các ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 25/10 hằng năm** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp xét thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Chương trình hành động; các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ động đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.